

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ THUÊ ĐẤT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 1685/BTNMT-ĐCKS ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đồng ý chủ trương đề UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt trữ lượng và giải quyết hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác mỏ đồng xã Yên Thắng và xã Trí Nang, huyện Lang Chánh theo quy định;

Căn cứ Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ Đợt 4;

Căn cứ Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản quặng đồng tại xã Yên Thắng và xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa”;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác, chế biến quặng đồng và quặng sắt tại xã Yên Thắng và xã Trí Nang, huyện Lang Chánh của Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng Tây Đô;

Xét Đơn và hồ sơ của Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng Tây Đô đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất tại xã Yên Thắng và xã Trí Nang, huyện Lang Chánh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 146/TTr-STNMT ngày 01/02/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

a) Cho phép Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng Tây Đô được khai thác, chế biến quặng đồng và khoáng sản đi kèm (quặng sắt) tại mỏ đồng xã Yên Thắng và xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 403.138 m²; trong đó, diện tích khu vực khai thác I thuộc xã Yên Thắng là 104.181 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4; diện tích khu vực khai thác II thuộc xã Yên Thắng là 125.760 m² được giới hạn bởi các điểm góc 5, 6, 7, 8, 9; diện tích khu vực khai thác III thuộc xã Trí Nang là 100.564 m² được giới hạn bởi các điểm góc 10, 11, 12, 13; diện tích khu vực khai trường thuộc xã Yên Thắng là 72.633 m² được giới hạn bởi các điểm góc 10', 11', 12', 13' và 14 có tọa độ xác định trên Bản đồ khu vực mỏ kèm theo;

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Phục vụ cho ngành công nghiệp luyện kim trong nước và xuất khẩu;

- Trữ lượng khoáng sản:

+ Trữ lượng địa chất: Đồng kim loại: 1.144 tấn; quặng sắt: 56.430 tấn;

+ Trữ lượng được khai thác: Đồng kim loại: 1.144 tấn; quặng sắt: 56.430 tấn;

- Thân khoáng: Dạng khối;

- Công suất khai thác:

+ Khoáng sản chính: Đồng kim loại là 76,26 tấn/năm;

+ Khoáng sản đi kèm: Quặng sắt là 3.762 tấn/năm;

- Mức sâu khai thác thấp nhất: Đến cos + 270 m;

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên;

- Thời hạn khai thác: 15 năm 6 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 06 tháng;

- Lệ phí cấp Giấy phép: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

b) Cho Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng Tây Đô thuê 403.138 m² đất tại xã Yên Thắng và xã Trí Nang, huyện Lang Chánh để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản và làm khai trường;

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục Bản đồ số 28/TLBĐ ngày 15/01/2016 và số 622/TLBĐ ngày 06/10/2015 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập;

- Loại đất: Đất khai thác khoáng sản, đơn vị đang quản lý, sử dụng;
- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;
- Phí thẩm định hồ sơ thuê đất: 250.000 đồng;
- Thời hạn thuê đất: 15 năm 6 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Công ty CP Thương mại và Xây dựng Tây Đô có trách nhiệm:

1. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường;

3. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cắm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát;

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đã được phê duyệt. Quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; cải tạo, phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

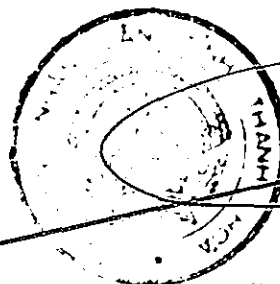
Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng Tây Đô chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Công ty CP TM&XD Tây Đô;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (06b);
- UBND huyện Lang Chánh;
- UBND xã Yên Thắng
- UBND xã Trí Nang;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

Số đăng ký: ĐK/KT

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2016

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐỒNG TẠI XÃ YÊN THẮNG VÀ
XÃ TRÍ NANG, HUYỆN LANG CHÁNH**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 60 /GP-UBND
ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục 105, múi chiếu 3 ^o	
		X (m)	Y (m)
Khu vực khai thác I	1	2229 753	508 700
	2	2229 415	509 217
	3	2229 270	509 141
	4	2229 615	508 603
Khu vực khai thác II	5	2229 442	510 137
	6	2229 372	510 634
	7	2229 193	510 841
	8	2229 123	510 548
	9	2229 297	510 152
Khu vực khai thác III	10	2227 187	517 303
	11	2227 191	517 514
	12	2226 684	517 607
	13	2226 675	517 426
Khu vực khai trường	10'	2229 443.73	509 173.05
	11'	2229 603.09	509 279.63
	12'	2229 761.54	509 035.34
	13'	2229 720.00	508 838.00
	14	2229 683.89	508 805.70